

Số: 1084 /QĐ-UBND

Hoài Nhơn, ngày 23 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục thông tin phải được công khai
và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện
của Ủy ban nhân dân phường Hoài Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

*Căn cứ Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;*

Theo đề nghị của Văn phòng HĐND và UBND phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục cung cấp thông tin kèm theo Quyết định này, bao gồm:

1. Danh mục thông tin phải được công khai của UBND phường Hoài Nhơn (Phụ lục 1).

2. Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện của UBND phường Hoài Nhơn (Phụ lục 2).

Điều 2. Hình thức và thời điểm công khai thông tin

Hình thức, thời điểm công khai thông tin được thực hiện tuân thủ theo quy định tại Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và các quy định tại Nghị định số 13/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ phận Tư pháp – Hộ tịch (thuộc Văn phòng HĐND và UBND)

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân phường thực hiện việc cập nhật, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

b) Trực tiếp làm đầu mối thực hiện việc cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân phường tạo ra cho tổ chức, công dân khi có yêu cầu hợp lệ.

2. Các bộ phận, công chức chuyên môn và các đơn vị trực thuộc UBND phường

a) Chịu trách nhiệm rà soát, xác định và cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin thuộc lĩnh vực phụ trách để thực hiện công khai; bảo đảm

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THÔNG TIN PHẢI ĐƯỢC CÔNG KHAI
(Kèm theo Quyết định số 1084 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 03 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Hoài Nhơn)

1. Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân phường ban hành theo thẩm quyền; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung.
2. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân phường; quy trình, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, phí và lệ phí theo quy định.
3. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân phường chủ trì soạn thảo theo thẩm quyền để lấy ý kiến theo quy định của pháp luật.
4. Chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân phường.
5. Dự toán, quyết toán ngân sách phường và tình hình thực hiện ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
6. Việc quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân; các khoản vận động, tài trợ và các quỹ do phường quản lý theo quy định.
7. Thông tin về công trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư công do phường làm chủ đầu tư hoặc được giao quản lý, tổ chức thực hiện; tình hình triển khai và kết quả thực hiện theo nhiệm vụ được giao.
8. Thông tin về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công và kinh phí thuộc phạm vi quản lý của phường theo quy định.
9. Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân.
10. Báo cáo công tác định kỳ; thông tin thống kê thuộc phạm vi quản lý của phường theo quy định.
11. Thông tin về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường.
12. Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quản lý đất đai; trật tự xây dựng; bảo vệ môi trường trên địa bàn trong phạm vi nhiệm vụ được giao; việc tổ chức niêm yết, công khai các nội dung do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến để thực hiện tại địa phương.
13. Thông tin về chính sách, chế độ, chương trình an sinh xã hội, giảm nghèo, trợ giúp xã hội do phường trực tiếp triển khai thực hiện.
14. Danh mục thông tin phải công khai theo quy định của pháp luật chuyên ngành áp dụng đối với cấp xã.
15. Thông tin khác do Ủy ban nhân dân phường tạo ra hoặc quản lý theo quy định của pháp luật mà không thuộc danh mục thông tin bị hạn chế tiếp cận./.

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG DÂN ĐƯỢC TIẾP CẬN CÓ ĐIỀU KIỆN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Hoài Nhơn)

- 1.** Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.
- 2.** Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.
- 3.** Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan nhà nước quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định./.